

Số: *1795*/QĐ-BHXH

Hà Nội, ngày *31* tháng 12 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố công khai số liệu phân bổ dự toán chi lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hàng tháng từ nguồn ngân sách nhà nước đảm bảo năm 2022**



**TỔNG GIÁM ĐỐC BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM**

Căn cứ Nghị định số 89/2020/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2020 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bảo hiểm xã hội Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 2949/QĐ-BHXH ngày 04 tháng 12 năm 2017 của Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam ban hành Quy chế Công khai tài chính; quản lý, sử dụng tài sản; kết quả kiểm toán, thanh tra và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đối với các đơn vị thuộc hệ thống Bảo hiểm xã hội Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 1781/QĐ-BHXH ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam về việc giao dự toán chi lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hàng tháng từ nguồn ngân sách nhà nước đảm bảo năm 2022;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch và Đầu tư.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu phân bổ dự toán chi lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hàng tháng từ nguồn ngân sách nhà nước đảm bảo năm 2022 cho Bảo hiểm xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (có Phụ lục kèm theo).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

**Điều 3.** Giám đốc Bảo hiểm xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bảo hiểm xã hội Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /*Đn*

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- HDQL BHXH Việt Nam (để b/c);
- Bộ Tài chính;
- Tổng Giám đốc (để b/c);
- Các Phó Tổng Giám đốc;
- Công TTĐT BHXH Việt Nam;
- Lưu: VT, KHĐT (5b).

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Đào Việt Ánh**



PHỤ LỤC

DỰ TOÁN CHI LƯƠNG HỮU TRỢ CẤP BẢO HIỂM XÃ HỘI VÀ TRỢ CẤP HÀNG THÁNG  
TỪ NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐẢM BẢO  
NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số: 1795/QĐ-BHXH ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	BHXH tỉnh, TP	Dự toán giao
1	TP. Hà Nội	8.457.633
2	TP. Hồ Chí Minh	1.737.868
3	An Giang	45.588
4	Bà Rịa - Vũng Tàu	252.493
5	Bạc Liêu	36.426
6	Bắc Giang	868.246
7	Bắc Kạn	166.106
8	Bắc Ninh	718.945
9	Bến Tre	116.097
10	Bình Dương	184.140
11	Bình Định	327.930
12	Bình Phước	128.886
13	Bình Thuận	127.430
14	Cà Mau	66.663
15	Cao Bằng	407.913
16	Cần Thơ	148.859
17	Đà Nẵng	541.467
18	Đắk Lắk	405.848
19	Đắk Nông	64.567
20	Điện Biên	233.501
21	Đồng Nai	419.732
22	Đồng Tháp	53.057
23	Gia Lai	268.173
24	Hà Giang	274.499
25	Hà Nam	796.732
26	Hà Tĩnh	1.354.751
27	Hải Dương	1.605.103
28	Hải Phòng	2.026.246
29	Hậu Giang	29.400
30	Hoà Bình	409.541
31	Hưng Yên	947.252
32	Khánh Hoà	243.234
33	Kiên Giang	96.370

TT	BHXH tỉnh, TP	Dự toán giao
34	Kon Tum	101.060
35	Lai Châu	95.985
36	Lạng Sơn	425.839
37	Lào Cai	369.299
38	Lâm Đồng	285.869
39	Long An	100.570
40	Nam Định	1.753.358
41	Nghệ An	2.904.926
42	Ninh Bình	1.067.614
43	Ninh Thuận	48.683
44	Phú Thọ	1.332.121
45	Phú Yên	98.935
46	Quảng Bình	772.390
47	Quảng Nam	436.556
48	Quảng Ngãi	275.080
49	Quảng Ninh	1.509.350
50	Quảng Trị	315.321
51	Sóc Trăng	32.945
52	Son La	523.871
53	Tây Ninh	95.220
54	Thái Bình	1.928.175
55	Thái Nguyên	1.084.691
56	Thanh Hoá	2.739.961
57	Thừa Thiên Huế	290.498
58	Tiền Giang	116.526
59	Trà Vinh	39.949
60	Tuyên Quang	514.865
61	Vĩnh Long	50.096
62	Vĩnh Phúc	697.522
63	Yên Bái	668.863
64	BHXH Việt Nam (Chi phí chi trả)	275.886
	<b>Tổng</b>	<b>44.512.720</b>